



ĐỀ XUẤT MỘT SỐ GIẢI PHÁP GÓP PHẦN HOÀN THIỆN KHUNG PHÁP LÝ CHO THỊ TRƯỜNG CÁC-BON Ở VIỆT NAM: Bài học kinh nghiệm từ Trung Quốc

ĐÀO TRỌNG ĐỨC, NGUYỄN VĂN THÀNH

Bộ Công Thương

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu (BĐKH) đang trở thành thách thức toàn cầu, đòi hỏi hành động cấp bách và hiệu quả từ mọi quốc gia, thị trường tín chỉ các-bon được xem như một công cụ kinh tế trọng yếu giúp giảm phát thải (GPT), hướng tới mục tiêu phát triển bền vững (PTBV). Trên thế giới, thị trường tín chỉ các-bon bắt nguồn từ Nghị định thư Kyoto năm 1997, là cơ chế “giới hạn và giao dịch” cho phép các chủ thể trao đổi quyền phát thải trong giới hạn. Đây là công cụ định giá các-bon dựa trên nguyên tắc “người gây ô nhiễm phải trả tiền”, thúc đẩy GPT để tiết kiệm chi phí cho xã hội. Cơ chế này đã được nhiều quốc gia phát triển áp dụng thành công, trong đó Trung Quốc là ví dụ điển hình với Hệ thống giao dịch phát thải (ETS) lớn nhất thế giới, giúp giảm thiểu lượng lớn khí nhà kính (KNK), đồng thời duy trì tăng trưởng kinh tế. Với cam kết đưa phát thải ròng về 0 vào năm 2050, Việt Nam đang trong giai đoạn đầu xây dựng thị trường tín chỉ các-bon, do đó, việc học hỏi kinh nghiệm từ các mô hình tiên tiến như Trung Quốc là một trong những bước đệm quan trọng.

1. THỊ TRƯỜNG TÍN CHỈ CÁC-BON Ở TRUNG QUỐC

Năm 2017, Ủy ban Cải cách và Phát triển quốc gia Trung Quốc (NDRC) đã giới thiệu Kế hoạch triển khai Hệ thống ETS, nhằm tạo dựng một thị trường các-bon cấp quốc gia với “quyền sở hữu rõ ràng, cơ chế bảo vệ toàn diện, khả năng chuyển nhượng linh hoạt, giám sát chặt chẽ và tính minh bạch cao”, đồng thời “khơi dậy tiềm năng GPT của doanh nghiệp (DN), góp phần kiểm soát hiệu quả lượng KNK”. Tiếp đó, tháng 9/2020, Chính phủ Trung Quốc tham vọng đặt “2 mục tiêu các-bon” (đạt đỉnh phát thải các-bon vào năm 2030; trung hòa các-bon vào năm 2060) và thị trường giao dịch quyền phát thải các-bon được xác định là công cụ chính sách cốt lõi để hiện thực hóa các mục tiêu này.

Hệ thống ETS của Trung Quốc chính thức bắt đầu hoạt động vào tháng 7/2021 tại Sàn Giao dịch năng lượng và môi trường Thượng Hải, gồm 8 ngành phát thải lớn: Sản xuất điện, thép, vật liệu xây dựng, kim loại màu, hóa dầu, hóa chất, giấy, hàng không dân dụng (chiếm 75% tổng lượng phát thải của cả nước). Trong giai đoạn đầu triển khai, hơn 2.000 DN phát thải

lớn thuộc ngành năng lượng đã tham gia ETS, với mỗi DN có lượng phát thải tối thiểu 26.000 tấn/năm, áp dụng đồng thời cho ngành thép, xi măng, nhôm. Theo cơ chế này, các DN được cấp một hạn ngạch miễn phí dưới dạng chứng nhận quyền phát thải (CEAs), nếu lượng phát thải thực tế vượt quá hạn ngạch trong một giai đoạn tuân thủ nhất định, DN buộc phải mua thêm quyền phát thải trên thị trường để bù đắp sự thiếu hụt. Ngược lại, nếu lượng phát thải thấp hơn hạn ngạch, DN có thể bán phần dư thừa CEAs. Việc phân bổ hạn ngạch không dựa trên mức phát thải tuyệt đối mà theo chuẩn cường độ các-bon của từng ngành do Chính phủ quy định và giảm dần theo thời gian. DN phát thải bắt buộc phải nộp các thông số quan trọng hàng tháng và báo cáo dữ liệu phát thải hàng năm.

Tính đến nay, thị trường các-bon của Trung Quốc đã trải qua 3 giai đoạn phát triển: Giai đoạn 1 (từ năm 2002 - 2012), tập trung vào giao dịch quốc tế các chứng chỉ GPT KNK (CERs) được chứng nhận từ những dự án thuộc Cơ chế phát triển sạch (CDM) trong khuôn khổ Nghị định thư Kyoto; Giai đoạn 2 (từ năm 2013 - 2020) là giai đoạn thí điểm tại một số địa phương, bổ sung cơ chế bù đắp khí thải các-bon bằng mức GPT tự nguyện được chứng nhận quốc gia, qua đó hình thành thị trường trong nước; Giai đoạn 3 (từ năm 2021 đến nay) triển khai thị trường giao dịch quyền phát thải các-bon toàn quốc, tập trung vào ngành điện với tổng lượng phát thải CO₂ khoảng 4,5 tỷ tấn/năm. Đáng chú ý, kể từ khi ra mắt, ETS đã trở thành nền tảng giao dịch phát thải lớn nhất thế giới, bao phủ khoảng 5,1 tỷ tấn CO₂ tương đương, tương ứng với khoảng 40% tổng lượng phát thải của Trung Quốc. Đến cuối năm 2023, khối lượng giao dịch trên ETS của Trung Quốc đã đạt tổng cộng 442 triệu tấn, với giá trị 24,92 tỷ nhân dân tệ (khoảng 3,50 tỷ USD) [1]. Mặc dù thấp hơn nhiều so với mức giá trên các thị trường quốc tế nhưng giá các-bon trên ETS quốc gia của Trung Quốc lại có xu hướng tăng khi Chính phủ giảm lượng hạn ngạch phát thải miễn phí phân bổ cho các DN. Ngày 24/4/2024, giá các-bon trên thị trường ETS của Trung Quốc lần đầu tiên vượt mức 100 nhân dân tệ/tấn, đánh dấu bước tiến quan trọng trong phát triển, vận hành của thị trường quốc gia tỷ dân.



Sở Giao dịch Môi trường xanh Bắc Kinh (CBGEX) dự báo, thị trường các-bon của Trung Quốc sẽ phát triển mạnh sau khi tiến hành tài chính hóa trong tương lai. Với lượng tín chỉ dự kiến vào khoảng 7 - 8 tỷ tấn, khối lượng giao dịch hàng năm sẽ vượt qua 10 tỷ tấn, tương đương với giá trị giao dịch trên 1 nghìn tỷ nhân dân tệ (khoảng 140 tỷ USD). Sự phát triển này được thúc đẩy bởi cấu trúc của thị trường các-bon, bao gồm 2 thành phần chính: Hệ thống ETS và Chứng chỉ GPT được chứng nhận (CCER). Đầu năm 2024, Bắc Kinh tái khởi động thị trường giao dịch tự nguyện về GPT KNK quốc gia (CCER), nhằm mở rộng sự tham gia của các công ty thuộc ngành nghề cụ thể thực hiện giao dịch tín chỉ sau khi tham gia tự nguyện vào các sáng kiến GPT. Chương trình này hỗ trợ cho ETS, hướng đến thúc đẩy sự phát triển của một số ngành, nhất là năng lượng sạch, nhằm đẩy nhanh quá trình chuyển đổi của Trung Quốc sang PTBV về môi trường và hỗ trợ mục tiêu trung hòa các-bon.

Theo Báo cáo phát triển thị trường các-bon quốc gia năm 2025 do Bộ Sinh thái và Môi trường Trung Quốc biên soạn, công bố mới đây, năm 2024, thị trường giao dịch phát thải các-bon quốc gia đã hoạt động tổng cộng 242 ngày, khối lượng giao dịch hạn ngạch phát thải trung bình hàng ngày tăng 43,55% so với chu kỳ trước đó. Khối lượng giao dịch tích lũy cả năm đạt 189 triệu tấn; kim ngạch giao dịch hạn ngạch phát thải các-bon hàng năm là 18,114 tỷ nhân dân tệ (khoảng 2,5 tỷ USD), đạt mức kỷ lục mới kể từ khi thị trường bắt đầu giao dịch trực tuyến vào năm 2021; cường độ phát thải các-bon của ngành điện quốc gia đã giảm 10,8% so với năm 2018 và thị trường các-bon đóng một vai trò quan trọng trong việc này. Tính đến cuối tháng 8/2025, tổng khối lượng giao dịch hạn ngạch thị trường giao dịch phát thải các-bon quốc gia đạt 696 triệu tấn; tổng kim ngạch giao dịch đạt 47,826 tỷ nhân dân tệ (khoảng 6,7 tỷ USD) [2].

Bên cạnh khối lượng giao dịch đạt mức kỷ lục, mức độ sẵn sàng tham gia của các đơn vị cũng tăng lên. Trong năm 2024, có 1.471 đơn vị phát thải chính đã tham gia vào thị trường giao dịch phát thải các-bon quốc gia, tăng 1,38% so với chu kỳ thực hiện trước đó. Mọi giao dịch đều diễn ra vào tất cả các ngày giao dịch và số lượng giao dịch trong cả năm tăng 18% so với cùng kỳ năm trước. Đặc biệt, kể từ năm 2025, mức độ sẵn sàng tham gia giao dịch của các đơn vị phát thải chính ngày càng tăng. Tháng 3/2025, tiếp theo ngành sản xuất điện, Quốc vụ viện Trung Quốc đã chính thức phê duyệt việc đưa ngành luyện thép,



Biểu tượng về mục tiêu trung hòa các-bon ở một cơ sở điện lực Trung Quốc. (Ảnh: Hữu Hưng)

xi măng, nhôm vào thị trường giao dịch phát thải quốc gia. Sau khi mở rộng phạm vi, hơn 1.300 đơn vị phát thải trọng điểm mới được bổ sung, tỷ lệ phát thải các-bon dioxide được bao phủ đã tăng lên hơn 60% tổng lượng phát thải các-bon dioxide toàn quốc. Tính đến cuối tháng 8/2025, tổng khối lượng lệnh mua và bán trong các giao dịch thỏa thuận niêm yết đã tăng 232% so với cùng kỳ năm trước.

Thị trường giao dịch KNK tự nguyện quốc gia là một công cụ chính sách quan trọng khác được Trung Quốc triển khai nhằm hỗ trợ đạt được mục tiêu “các-bon kép” sau khi thị trường giao dịch khí thải nhà kính quốc gia ra đời. Tháng 3/2025, lô chứng nhận GPT tự nguyện đầu tiên được đăng ký mới đã tiến hành giao dịch trên hệ thống và đến cuối tháng 8/2025, khối lượng giao dịch tích lũy của thị trường giao dịch khí thải nhà kính tự nguyện quốc gia là 2,7061 triệu tấn, với kim ngạch giao dịch 229 triệu nhân dân tệ (khoảng 32 triệu USD), giá giao dịch trung bình nhiều lần đạt trên 100 nhân dân tệ/tấn. Trong thời gian tới, Trung Quốc sẽ tiếp tục hoàn thiện hệ thống hỗ trợ chính sách liên quan của thị trường các-bon quốc gia; mở rộng phạm vi ngành công nghiệp thuộc phạm vi của thị trường giao dịch quyền phát thải các-bon và các lĩnh vực hỗ trợ của thị trường giao dịch GPT KNK tự nguyện theo



từng giai đoạn, từng bước. Đồng thời, không ngừng làm phong phú thêm các loại hình, thực thể và phương thức giao dịch của thị trường các-bon quốc gia, tạo môi trường công bằng, cởi mở, minh bạch hơn; phấn đấu tối ưu hóa hiệu quả phân bổ nguồn lực phát thải các-bon và tối đa hóa lợi ích; tiếp tục đẩy mạnh hợp tác thực chất về khí hậu trong nhiều lĩnh vực, nhiều kênh khác nhau. Ngoài ra, tăng cường công nhận lẫn nhau về công nghệ, phương pháp, tiêu chuẩn trong lĩnh vực thị trường các-bon với quốc gia, khu vực, tổ chức quốc tế liên quan; thúc đẩy hợp tác song phương, đa phương dựa trên giao dịch GPT tự nguyện và đẩy nhanh việc xây dựng một thị trường các-bon hiệu quả, năng động, có tầm ảnh hưởng quốc tế.

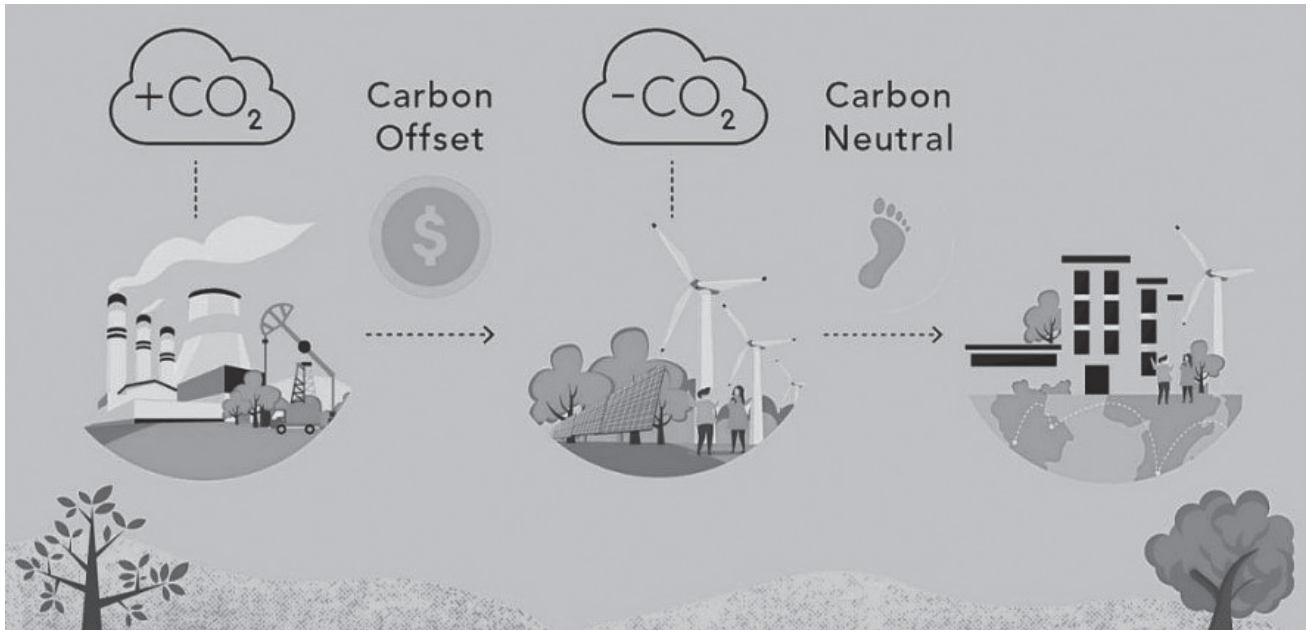
2. PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH VỀ GIAO DỊCH TÍN CHỈ CÁC-BON CỦA VIỆT NAM

Việc tham gia tích cực của Việt Nam vào các thỏa thuận và điều ước quốc tế, bao gồm Công ước khung của Liên hợp quốc về BĐKH (UNFCCC) từ ngày 16/11/1994; Nghị định thư Kyoto (từ ngày 29/5/2002); Thỏa thuận Paris (từ ngày 4/11/2016) giúp thúc đẩy việc mua bán, trao đổi tín chỉ các-bon trong nước và quốc tế, thể hiện cam kết sâu rộng của Việt Nam trong ứng phó với BĐKH. Để tạo cơ sở pháp lý cho việc thực hiện CDM, ngày 17/10/2005, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 35/2005/CT-TTg về việc tổ chức thực hiện Nghị định thư Kyoto; Quyết định số 130/2007/QĐ-TTg ngày 2/8/2007 về một số cơ chế, chính sách tài chính đối với dự án đầu tư theo CDM. Năm 2015, Bộ TN&MT (nay là Bộ NN&MT) được giao chủ trì, tổ chức triển khai Cơ chế tín chỉ chung (JCM) giữa Việt Nam và Nhật Bản, đồng thời ban hành Thông tư số 17/2015/TT-BTNMT ngày 6/4/2015 quy định việc xây dựng và thực hiện dự án theo cơ chế JCM. Tiếp đó, trong NDC đệ trình Ban Thư ký UNFCCC theo Thỏa thuận Paris, Việt Nam cũng đã cam kết giảm 15,8% lượng phát thải KNK so với kịch bản phát triển thông thường đến năm 2030 và có thể giảm đến 27,7% (tương đương 257,4 MtCO₂e) hoặc giảm tổng cộng 43,5% nếu nhận được hỗ trợ quốc tế [3]. Tại COP26, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính cũng tái khẳng định tuyên bố Việt Nam phấn đấu đạt mức phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050.

Ở khía cạnh khác, nhằm thực hiện nghĩa vụ quốc tế theo UNFCCC và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1775/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 phê duyệt Đề án quản lý phát thải KNK và hoạt động kinh doanh tín chỉ các-bon ra thị trường thế giới. Mặc dù

đây là lần đầu tiên tín chỉ các-bon được đề cập trong văn bản pháp luật tại Việt Nam, xác định được sự cần thiết phải phát triển thị trường các-bon bên cạnh việc trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trên thị trường quốc tế, nhưng văn bản này vẫn chưa đưa ra định nghĩa cụ thể về tín chỉ các-bon. Bước tiến đáng chú ý trong việc hình thành cơ sở pháp lý cho thị trường các-bon tại Việt Nam được ghi nhận tại Điều 41, Luật BVMT năm 2014 với nội dung “quản lý phát thải KNK” và tiếp tục được cập nhật chi tiết hơn trong Luật BVMT năm 2020 (Điều 139) cùng Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 7/1/2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải KNK và bảo vệ tầng ô-dôn. Ngoài ra, còn có một số văn bản liên quan khác như Quyết định số 01/2022/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải KNK phải thực hiện kiểm kê KNK; Thông tư số 17/2022/TT-BTNMT của Bộ TN&MT (nay là Bộ NN&MT) quy định phương pháp đo lường, báo cáo đánh giá mức giảm phát thải KNK và xây dựng kiểm kê KNK trong quản lý chất thải... khẳng định nỗ lực cũng như tham vọng của Việt Nam về xây dựng thị trường các-bon nội địa, giúp tạo dựng một môi trường pháp lý tích cực cho sự phát triển lâu dài.

Theo quy định tại khoản 1, Điều 139, Luật BVMT năm 2020, Việt Nam có hai hình thức mua bán phát thải (mua bán hạn ngạch phát thải và mua bán tín chỉ các-bon được tạo ra từ dự án các-bon). Thị trường các-bon vừa bao gồm giao dịch trao đổi tín chỉ các-bon tự nguyện, vừa cho phép chủ thể bị áp đặt hạn mức phát thải được quyền giao dịch tín chỉ các-bon khi có nhu cầu phát thải vượt quá hạn mức [4]. Điều này cũng đã được khẳng định tại khoản 5, Điều 3, Nghị định số 06/2022/NĐ-CP của Chính phủ. Trong khi đó, tại các quốc gia thuộc Liên minh châu Âu, chủ thể nằm trong danh sách bị áp đặt hạn mức phát thải sẽ không được quyền tham gia mua bán tín chỉ các-bon từ thị trường các-bon tự nguyện mà chỉ có hai sự lựa chọn: Mua thêm hạn ngạch phát thải từ Nhà nước với giá cao hoặc đổi mới công nghệ sản xuất để bảo đảm việc tuân thủ mục tiêu GPT lượng KNK. Đáng chú ý, Nghị định số 06/2022/NĐ-CP đã đưa ra định nghĩa cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon, làm rõ quy trình tạo lập loại hàng hóa này. Theo đó, tín chỉ các-bon chỉ được hình thành thông qua quá trình đăng ký và triển khai các chương trình, dự án GPT KNK, phù hợp với phương pháp đã được quốc tế hoặc Việt Nam công nhận. Quá trình này bao gồm giám sát, đo đạc lượng phát thải được giảm thiểu bởi một bên thứ ba độc lập và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định trước khi cấp phát tín chỉ. Mỗi tín chỉ các-bon tương đương với



Tham gia thị trường các-bon là bước tiến quan trọng giúp Việt Nam thực hiện cam kết về GPT KNK và phát triển nền kinh tế bền vững

1 tấn CO₂ và có thể được giao dịch trên sàn giao dịch theo cơ chế tập trung.

Có thể thấy, thị trường tín chỉ các-bon không chỉ là một công cụ tài chính mà còn là biểu tượng cho sự chuyển đổi kinh tế xanh, GPT và PTBV trong lộ trình thực hiện hàng loạt giải pháp nhằm thích ứng hiệu quả với BĐKH. Để xây dựng, vận hành thành công thị trường tín chỉ các-bon, bên cạnh quyết tâm chính trị, Việt Nam cần chuẩn bị kỹ lưỡng về thể chế, kỹ thuật, kinh nghiệm thực tiễn. Các cơ quan chức năng đã gấp rút nghiên cứu hoàn thiện hệ thống quy định, chính sách, hạ tầng, nền tảng cho thị trường các-bon để tiến hành thí điểm sàn giao dịch vào năm 2025 và đưa vào vận hành chính thức trong năm 2028. Tuy nhiên, xây dựng thị trường các-bon trong bối cảnh là quốc gia đi sau nên khung pháp lý điều chỉnh loại hàng hóa này ở Việt Nam vẫn còn nhiều khoảng trống; quy định mang tính chung chung; việc phân biệt giữa hạn ngạch và tín chỉ các-bon, quy trình giao dịch, xác minh phát thải cũng như cơ chế xử lý vi phạm chưa hoàn thiện, khiến thị trường khó vận hành hiệu quả. Bên cạnh đó, hạ tầng kỹ thuật như hệ thống công cụ đánh giá hoạt động GPT KNK (MRV), sàn giao dịch tín chỉ chưa đồng bộ, minh bạch; thiếu công cụ điều tiết giá và quản lý nguồn cung - cầu cũng là nguyên nhân dẫn tới biến động mạnh khi thị trường bắt đầu hoạt động. Vì vậy, Việt Nam cần học hỏi kinh nghiệm của các quốc gia tiên tiến trên thế giới, nhằm hoàn thiện khung pháp lý, cơ chế vận hành, cụ thể là mở rộng phạm vi điều chỉnh sang phát thải gián tiếp; thiết lập quỹ quốc gia quản

lý nguồn thu thị trường; hoàn thiện các tiêu chuẩn kỹ thuật cho tín chỉ các-bon... Ngoài ra, việc xây dựng cơ chế điều tiết giá, áp dụng chính sách xử phạt nghiêm khắc và đào tạo chuyên môn cho nhân lực thẩm định sẽ là những giải pháp thiết yếu giúp thị trường các-bon tại Việt Nam phát triển minh bạch, bền vững, hiệu quả.

3. BÀI HỌC TỪ TRUNG QUỐC VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI

Từ thực tiễn triển khai xây dựng thị trường các-bon của Trung Quốc, các quốc gia đang phát triển, trong đó có Việt Nam có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm: (i) Cần xây dựng hệ thống thị trường các-bon dựa trên nền tảng pháp lý và thể chế vững chắc, với sự phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng cơ quan quản lý, đảm bảo sự đồng bộ trong quá trình thực hiện, giám sát, như Trung Quốc có các chính sách từ Ủy ban Cải cách và Phát triển quốc gia hay Bộ Sinh thái và Môi trường; (ii) Xem xét thử nghiệm thị trường các-bon ở quy mô nhỏ, chẳng hạn ở cấp khu vực hoặc ngành cụ thể trước khi mở rộng ra toàn quốc. Trung Quốc đã bắt đầu bằng những chương trình thử nghiệm ETS tại cấp độ địa phương trước khi triển khai toàn quốc vào năm 2021, quá trình này cho phép các cơ quan quản lý học hỏi, điều chỉnh, cải thiện mô hình dựa trên kinh nghiệm thực tế; (iii) Ưu tiên đưa những ngành phát thải lớn nhất vào hệ thống giao dịch trước, tạo nền tảng vững chắc trước khi mở rộng sang ngành khác. Giai đoạn đầu của hệ thống ETS ở Trung Quốc tập trung vào ngành sản xuất điện - lĩnh vực chiếm tỷ trọng phát thải lớn nhất,



việc bổ sung ngành thép, xi măng, nhôm sau này giúp mở rộng phạm vi mà không gây quá tải cho hệ thống quản lý ban đầu; (iv) Kết hợp cả cơ chế bắt buộc và tự nguyện để bao trùm sự tham gia của nhiều đối tượng, đồng thời tận dụng nguồn tài trợ cho các dự án môi trường. Việc vận hành song song ETS (bắt buộc) và CCER (tự nguyện) của Trung Quốc tạo cơ hội tham gia đa dạng. Chương trình CCER cũng hỗ trợ tài chính cho dự án năng lượng tái tạo và BVMT như điện gió ngoài khơi, rừng ngập mặn; (v) Khuyến khích tài chính hóa tín chỉ các-bon, biến chúng thành một loại tài sản tài chính nhằm thu hút nhà đầu tư và nâng cao hiệu quả hoạt động của thị trường. Hành động này không chỉ giúp Trung Quốc huy động nguồn vốn từ thị trường tài chính mà còn tăng tính thanh khoản và giá trị giao dịch. Đây là yếu tố quan trọng thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của thị trường các-bon, với dự báo khối lượng giao dịch có thể đạt 10 tỷ tấn/năm; (v) Thiết kế thị trường các-bon theo hướng hỗ trợ ngành năng lượng sạch, dự án thân thiện với môi trường để thúc đẩy chuyển đổi xanh. Chương trình CCER khuyến khích các dự án năng lượng tái tạo và BVMT, đồng thời giúp DN giảm chi phí tuân thủ qua việc mua tín chỉ tự nguyện, điều này phù hợp với mục tiêu trung hòa các-bon và PTBV.

Bài học kinh nghiệm của Trung Quốc cũng cho thấy, khi xây dựng và hoàn thiện khung pháp lý cho thị trường các-bon ở Việt Nam, trong đó có sàn giao dịch tín chỉ các-bon, các cơ quan chức năng cần quan tâm đến một số vấn đề sau:

Thứ nhất, xây dựng nguyên tắc sử dụng, giao dịch và quy định rõ đối tượng tham gia vào thị trường tín chỉ các-bon. Chính phủ Việt Nam nên xem xét xây dựng các quy định pháp lý liên quan đến việc cấp phát, giao dịch, quản lý tín chỉ các-bon dựa trên tiêu chuẩn quốc tế như VCS (Chương trình tín chỉ khí nhà kính - GHG), Gold Standard (tiêu chuẩn chứng nhận cho các dự án bù đắp các-bon), nhằm đảm bảo tính minh bạch, uy tín của các tín chỉ các-bon được phát hành.

Thứ hai, đưa ra quy định, hướng dẫn cụ thể về cách đo lường, kiểm kê KNK. Điều kiện để vận hành thị trường cũng như các sàn giao dịch tín chỉ các-bon là DN phải biết đơn vị đang thiếu hay thừa lượng phát thải, từ đó xác định nhu cầu cần mua thêm hay có thể bán tín chỉ ra ngoài. Muốn xác định chính xác lượng khí thải thừa/thiếu, các cơ quan quản lý cần khẩn trương đưa ra đầy đủ quy định về hướng dẫn đo lường, kiểm kê để DN biết chính xác lượng khí thải thực tế của đơn vị.

Thứ ba, Chính phủ cần có chính sách khuyến khích đầu tư vào những dự án bền vững, bao gồm ưu đãi thuế, hỗ trợ tài chính hoặc cơ chế bù đắp cho những DN thực hiện GPT, nhằm tạo động lực thu hút DN tham gia vào thị trường tín chỉ các-bon. Kinh nghiệm từ thị trường Trung Quốc cho thấy, việc tạo ra chính sách khuyến khích hợp lý có thể thu hút nguồn lực đầu tư đáng kể vào một số lĩnh vực tiềm năng như năng lượng tái tạo, công nghệ sạch.

Thứ tư, để thị trường tín chỉ các-bon hoạt động hiệu quả, cần có sự tham gia của nhiều bên liên quan, từ DN, tổ chức phi Chính phủ đến người dân, do đó, Chính phủ phải chỉ đạo các cơ quan, Bộ, ban, ngành liên quan phối hợp tổ chức nhiều chương trình đào tạo và hội thảo nâng cao nhận thức về tín chỉ các-bon cũng như lợi ích của việc tham gia vào thị trường. Học hỏi từ kinh nghiệm từ Trung Quốc, việc tăng cường đào tạo, nâng cao nhận thức, kỹ năng cho các bên liên quan sẽ giúp thúc đẩy sự tham gia tích cực, hiệu quả hơn.

Thứ năm, bên cạnh xây dựng khung chính sách về thị trường các-bon và khuyến khích DN thực hiện giải pháp GPT, Chính phủ cần ban hành cơ chế xử phạt thích hợp, nghiêm túc đối với những DN không thực hiện đúng quy định về GPT. Khi có nguy cơ bị xử phạt, các DN sẽ chú trọng đầu tư vào công nghệ sạch, cải tiến quy trình sản xuất và thực hiện những giải pháp bền vững.

Thứ sáu, việc thiết lập một hệ thống giám sát, báo cáo hiệu quả là cần thiết để đảm bảo tính minh bạch, trách nhiệm trong thị trường tín chỉ các-bon. Chính phủ nên xây dựng cơ chế giám sát liên tục đối với DN, dự án phát thải ra môi trường, cũng như yêu cầu các tổ chức tham gia thị trường phải báo cáo định kỳ về tình hình phát thải, việc mua bán tín chỉ các-bon. Kinh nghiệm từ Trung Quốc cho thấy, một hệ thống giám sát chặt chẽ sẽ giúp duy trì tính uy tín của thị trường và đảm bảo rằng các mục tiêu GPT được thực hiện đúng cách, hiệu quả ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bảo Huy, 2025. Thấy gì khi thị trường tín chỉ các-bon tự nguyện Trung Quốc “hồi sinh”? <https://vneconomy.vn/thay-gi-khi-thi-truong-tin-chi-carbon-tu-nguyen-trung-quoc-hoi-sinh.htm>.
2. Bộ Sinh thái và Môi trường Trung Quốc, 2025. Báo cáo phát triển thị trường các-bon quốc gia năm 2025.
3. Bộ TN&MT, 2022. Đóng góp do quốc gia tự quyết định, cập nhật năm 2022.
4. Quốc hội Việt Nam, 2020. Luật số 72/2020/QH14 của Quốc hội: Luật BVMT.